

Số: 119 /QĐ-TT-QLCL

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định Phòng Kiểm nghiệm Sản phẩm cây trồng
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón;

Căn cứ Biên bản kết luận của Đoàn đánh giá Phòng Kiểm nghiệm sản phẩm cây trồng được thành lập theo Quyết định số 445/QĐ-TT-QLCL ngày 27/10/2010 của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Quản lý chất lượng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định **Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh (CASE)** (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: 0838.295.087/ 0838.296.113; Fax: 0838.293.087; E-mail: case@hcm.vnn.vn) là **Phòng Kiểm nghiệm Sản phẩm cây trồng**.

Phòng Kiểm nghiệm Sản phẩm cây trồng của Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh (CASE) được tham gia phân tích các chỉ tiêu nêu tại Phụ lục kèm theo.

Mã số: PKN-SPCT 11- 05.

Điều 2. Phòng Kiểm nghiệm Sản phẩm cây trồng của Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh (CASE) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định trong hoạt động kiểm nghiệm sản phẩm cây trồng và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 05 (năm) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục; Trưởng các phòng, Trung tâm thuộc Cục; các tổ chức, cá nhân có liên quan; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh (CASE) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế;
- Sở NN& PTNT HCM;
- Lưu VT, QLCL.



Phụ lục

Danh mục Phép thử, Phương pháp thử được chỉ định của Phòng Kiểm nghiệm Sản phẩm cây trồng - Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh (CASE)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-TT-QLCI, ngày 07 tháng 4 năm 2011 của Cục trưởng Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử	Ghi chú
1	Rau, quả, chè và ngũ cốc			
1.1.	Kim loại nặng			
		Xác định hàm lượng Chì (Pb) Cadimi (Cd)	i31if061 (Ref.AOAC 999.11)	
		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	AOAC 971.21	
		Xác định hàm lượng Asen (As)	C31ig491 (Ref AOAC 986.15)	
1.2	Xác định hàm lượng Nitrat (NO₃)		TCVN 7814:2007 (EN 12014-2:1997)	
1.3	Vi sinh vật gây hại			
		Xác định Coliform	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)	
		Xác định E. Coli	ISO 7251:2005 (TCVN 6848:2007) ISO 16649-1:2001 (TCVN 7924-1:2008)	
		Xác định Salmonella	ISO 6579:2002 (TCVN 4829:2005)	
1.4	Xác định Dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật			
		Nhóm Clo hữu cơ	g31ce010 GC	
		BIIC		
		DDT		
		Nhóm Xyclodien		
		Aldrin		
		Endosulfan		
		Eldrin		
		Dieldrin		
		Heptachlor		
		Chlordane		

		Nhóm Lân hữu cơ	g31ce010 GC	
		Chlorpyrifos		
		Chlorpyrifos Methyl		
		Diazinon		
		Dichlorvos		
		Fenitrothion		
		Malathion		
		Pirimiphos Methyl		
		Phosphamidon		
		Parathion Methyl		
		Parathion		
		Nhóm Cúc/ Pyrethroit		
		Cypermethrin		
		Deltamethrin		
		Fenvalerate		
		Permethrin		
		Fenprothrin		
		Nhóm Carbamat	CASE.SK.0028 LC/MS/MS	
		Methomyl		
		Oxamyl		
		Carbofuran		
		Carbaryl		
		Fenobucarb		
		Nhóm Triazin	CASE.SK.0004 LC/MS/MS	
		Cyromazine		
2	Nước: Xác định hàm lượng Kim loại nặng			
		Asen (As)	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)	
		Cadimi (Cd)		
		Đồng (Cu)	EPA Methode 200.7 năm 2001	
		Chì (Pb)		
		Kẽm (Zn)		
3	Đất: Xác định hàm lượng Kim loại nặng			
		Asen (As)	AOAC 990.08 (2002) (ISO 14869-1:2001)	
		Cadimi (Cd)		
		Đồng (Cu)		
		Chì (Pb)		
		Kẽm (Zn)		